Tư tưởng Phật giáo đối với chuyển đổi xanh ở Việt Nam trong kỷ nguyên số

ISSN: 2734-9195 16:05 14/04/2026

Việc phát huy các giá trị sinh thái trong quan niệm nhân quả vừa góp phần nâng cao ý thức và trách nhiệm của con người đối với môi trường, vừa tạo cơ sở để thiết lập cơ chế điều chỉnh hành vi theo hướng phát triển bền vững.

Tác giả: **PGs Ts Nguyễn Văn Hòa**

Tóm tắt: Trong bối cảnh **kỷ nguyên số** và những thách thức ngày càng gia tăng của biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường, chuyển đổi xanh đang trở thành xu hướng tất yếu nhằm hướng tới phát triển bền vững. Tuy nhiên, chuyển đổi xanh không chỉ đòi hỏi những giải pháp về khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo, mà còn cần một nền tảng giá trị và đạo đức nhằm định hướng hành vi của con người trong mối quan hệ với tự nhiên và xã hội.

Thông qua việc phân tích những giá trị sinh thái trong các quan niệm như duyên sinh, nhân quả, từ bi, tri túc và chính niệm; bài viết chẳng những góp phần làm rõ những giá trị hiện tồn, mà còn mà còn tiếp cận các giá trị này như một trong những nền tảng tinh thần và nguồn lực văn hóa, gắn với yêu cầu chuyển đổi xanh trong kỷ nguyên số; qua đó, đề xuất các định hướng và giải pháp nhằm phát huy các giá trị sinh thái trong tư tưởng Phật giáo, để thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Giá trị sinh thái, tư tưởng Phật giáo, chuyển đổi xanh, phát triển bền vững, kỷ nguyên số

1. Mở đầu

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là nguồn lực và động lực đột phá cho sự phát triển bền vững trong kỷ nguyên số. Ở trong kỷ nguyên này, chuyển đổi xanh là một trong những xu hướng tất yếu nhằm hướng tới phát triển bền vững. *“Phát triển bền vững trước hết phải dựa vào con người và văn hóa”* [5, tr.32].

Chuyển đổi xanh không chỉ là vấn đề công nghệ hay chính sách, mà còn là quá trình chuyển đổi về nhận thức, chuẩn mực và hành vi của con người trong sản xuất, tiêu dùng và lối sống; do đó, cần được dựa trên văn hóa. Phật giáo với tư cách là bộ phận của đời sống văn hóa tinh thần.

Phật giáo được du nhập vào Việt Nam từ đầu công nguyên; trên cơ sở tiếp biến của người Việt Nam, Phật giáo đã sớm thấm sâu vào tâm thức người Việt Nam. Từ góc độ tư tưởng, Phật giáo là triết lý nhân sinh hàm chứa nhiều giá trị sinh thái. Các quan niệm như duyên sinh, từ bi, tri túc, chính niệm, nhân quả là thành tố tạo nên hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực của lối sống thân thiện với môi trường và có trách nhiệm với chúng sinh. Hơn bao giờ hết, kỷ nguyên số đang tạo điều kiện mới để phát huy các giá trị này thông qua chuyển đổi xanh ở Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Kỷ nguyên số và chuyển đổi xanh

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) được hình thành từ đầu thế kỷ XXI, trên nền tảng những thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ ba. So với ba cuộc cách mạng công nghiệp trước đó, CMCN 4.0 phát triển với tốc độ hết sức nhanh chóng.

Trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud Computing), chuỗi khối (blockchain), cùng các công nghệ số khác trở nên phổ biến, tạo ra sự thay đổi sâu sắc có tính cách mạng về mọi mặt của đời sống xã hội và hòa vào đời sống của mỗi người. Với sự phát triển mạnh mẽ của CMCN 4.0, đặc biệt là công nghệ số. Theo đó, đã mở ra một kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên số (Digital era).

Kỷ nguyên số được hiểu là giai đoạn phát triển trong đó công nghệ số trở thành hạ tầng nền tảng của đời sống kinh tế – xã hội, chi phối phương thức sản xuất, quản trị và giao tiếp của con người. Đây là kỷ nguyên gắn liền đời sống số, tri thức số, văn hóa số, chính phủ số, đô thị số, công dân số, xã hội số, kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn. Trong bối cảnh đó, đã và đang tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam phải phát triển bền vững.

Phát triển bền vững (Sustainable Development) là phát triển đáp ứng nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai. Phát triển bền vững là sự kết hợp hài hòa giữa kinh tế, xã hội và môi trường. Chỉ có dựa trên sự kết hợp của ba trụ cột đó thì mới có sự phát triển bền

vững. Bởi vậy, có thể nói rằng, phát triển bền vững là phát triển kinh tế, xã hội, gắn với bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo công bằng cho các thế hệ hiện tại và tương lai. Động lực chính cho sự phát triển bền vững là khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh.

Chuyển đổi xanh (Green transformation) là quá trình chuyển đổi từ các hoạt động kinh tế, xã hội và môi trường theo hướng giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ hệ sinh thái, thúc đẩy kinh tế xanh, xã hội xanh và môi trường xanh.

Kinh tế xanh (Green Economy) là nền kinh tế carbon thấp, tiết kiện tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển xã hội. Theo Liên minh châu Âu (EU), *"Kinh tế xanh là nền kinh tế tăng trưởng thông minh, công bằng và bền vững"* [9].

Đặc trưng kinh tế xanh là chuyển đổi từ mô hình tuyến tính sang tuần hoàn, nhằm tạo ra sự phát triển bền vững mà không đánh đổi bằng môi trường. Như vậy, hiện nay, chỉ có kinh tế xanh chẳng những đem lại an lạc cho con người và công bằng xã hội, mà còn đem lại một môi trường xanh và hệ sinh thái bền vững. Xã hội xanh (Green Society) là xã hội có lối sống xanh, tiêu dùng bền vững, ý thức bảo vệ môi trường cao và công bằng xã hội. Đặc trưng của xã hội xanh là sự kết hợp lối sống thân thiện với môi trường, hài hòa với tự nhiên và nền kinh tế xanh.

Trên cơ sở đó, nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển bền vững. Môi trường xanh (Green Environment) là môi trường có hệ sinh thái tự nhiên được bảo vệ, phục hồi, đa dạng sinh học được giữ vững và tài nguyên thiên nhiên được sử dụng hợp lý. Đặc trưng của môi trường xanh là đảm bảo sự trong lành, cân bằng sinh thái, nhằm bảo vệ sức khỏe con người và phát triển bền vững.

Trong kỷ nguyên số, kinh tế xanh, xã hội xanh và môi trường xanh kết hợp chặt chẽ với nhau và gắn liền với kinh tế số, xã hội số, môi trường số tạo thành chu trình phát triển bền vững. Hiện nay, phát triển nhanh phải gắn liền với phát triển bền vững; phát triển nhanh sẽ không duy trì lâu dài nếu thiếu bền vững; phát triển nhanh mà không bền vững sẽ dẫn đến hậu quả nghiêm trọng về xã hội và môi trường khiến sự phát triển đó không thể duy trì dài hạn. Do đó, phát triển nhanh và bền vững có nội dung tích hợp nhau.

Phát triển bền vững dựa trên ba trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường. Trong đó, chuyển đổi xanh là điều kiện, động lực để tái cấu trúc mô hình phát triển, nhằm giảm thiểu các rủi ro sinh thái và nâng cao chất lượng tăng trưởng. Ở cấp độ kinh tế, chuyển đổi xanh góp phần thúc đẩy đổi mới công nghệ, hình thành ngành nghề xanh, nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh các tiêu chuẩn

môi trường ngày càng trở thành *"hàng rào kỹ thuật"* trong thương mại quốc tế. Ở cấp độ xã hội, chuyển đổi xanh gắn với công bằng môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và tăng khả năng chống chịu trước thiên tai, biến đổi khí hậu. Ở cấp độ môi trường, chuyển đổi xanh trực tiếp hướng đến phục hồi hệ sinh thái, giảm ô nhiễm và bảo tồn đa dạng sinh học.

Mục tiêu đạt được của các cấp độ trên, phụ thuộc vào cách con người sản xuất, tiêu dùng và ứng xử với tự nhiên. Chính vì thế, chuyển đổi xanh trong kỷ nguyên số cần một hệ giá trị văn hóa, chuẩn mực con người để định hướng nhận thức và hành động. Đây là điểm giao thoa quan trọng giữa chuyển đổi xanh với các nguồn lực văn hóa - nguồn lực nội sinh, trong đó có tôn giáo và đặc biệt là Phật giáo, vốn có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống tinh thần người Việt Nam. Trải qua quá trình lịch sử lâu dài, các giá trị tư tưởng của Phật giáo đã thấm sâu vào đời sống xã hội và góp phần hình thành hệ giá trị văn hóa, chuẩn mực con người Việt Nam.

2.2. Giá trị sinh thái của tư tưởng Phật giáo đối với chuyển đổi xanh trong kỷ nguyên số

Chuyển đổi xanh là một quá trình chuyển đổi từ các hoạt động kinh tế, xã hội và môi trường truyền thống sang các phương thức bền vững hơn. Trong kỷ nguyên số, chuyển đổi xanh không chỉ đơn thuần dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ hiện đại, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao, mà còn dựa trên nền tảng giá trị - nền tảng tinh thần, trước hết là giá trị sinh thái. Phật giáo, với tư cách là một triết lý nhân sinh hàm chứa nhiều giá trị có ý nghĩa sinh thái, thể hiện qua quan niệm về duyên khởi, nhân quả, từ bi, tri túc, chính niệm. Những giá trị này là nền tảng tinh thần hình thành nên nguồn lực nội sinh, sức mạnh mềm, thúc đẩy chuyển đổi xanh diễn ra đồng bộ trên cả ba trụ cột: kinh tế xanh, xã hội xanh và môi trường xanh. Điều này được thể hiện cụ thể như sau:

- Thứ nhất, giá trị sinh thái trong tư tưởng Phật giáo đối với phát triển kinh tế xanh. Quan niệm về duyên khởi và tri túc của Phật giáo chứa đựng giá trị cốt lõi về phát triển kinh tế xanh. Theo duyên khởi, mọi sự vật, hiện tượng đều tồn tại trong sự biến đổi, tương tác, phụ thuộc lẫn nhau; không có gì tồn tại độc lập; ngũ uẩn tạo nên mọi sự vật, hiện tượng; tất cả chúng sinh đều bình đẳng.

Do đó, con người được nhìn nhận như một bộ phận của tự nhiên, chứ không phải là chủ thể đứng ngoài hay thống trị tự nhiên. "*Do cái này có mặt, cái kia có mặt. Do cái này sinh, cái kia sinh. Do cái này không có mặt, cái kia không có mặt. Do cái này diệt, cái kia diệt*" [1, tr.1095]. Duyên khởi yêu cầu con người

tôn trọng tự nhiên, gắn bó với tự nhiên. Trong kỷ nguyên số, quan niệm này góp phần cho việc xác lập mô hình tăng trưởng mới: Kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức, kinh tế số. Những mô hình có quan hệ chặt chẽ với nhau trong quá trình chuyển đổi xanh, hướng tới xây dựng nền kinh tế carbon thấp - kinh tế tăng trưởng xanh, thông minh, nhanh và bền vững.

Bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài thiên nhiên là điều kiện tiên quyết của kinh tế xanh. Vì vậy, quan niệm về tri túc (biết đủ) trong Phật giáo hàm chứa giá trị sinh thái sâu sắc, có ý nghĩa thiết thực đối với phát triển kinh tế xanh.

Phật giáo dạy: "*Người biết đủ, dầu nằm trên đất cũng thấy an lạc; người không biết đủ, dầu ở thiên đường cũng không vừa ý*" [2, kệ 204]. Khi con người biết đủ, sản xuất và tiêu dùng mới thực sự bền vững: giảm lãng phí, hạn chế "*tiêu dùng quá mức*"; sử dụng tiết kiệm hiệu quả và giảm áp lực lên tài nguyên thiên nhiên; ưu tiên sản phẩm bền, tái sử dụng, tái chế.

Đây chính là sự chuyển đổi phát triển kinh tế theo mô hình tuyến tính sang mô hình tuần hoàn. Từ đó, hạn chế tình trạng cạn kiệt tài nguyên, suy giảm đa dạng sinh học và ô nhiễm môi trường; sản xuất và tiêu dùng "*tỉnh thức*" và có trách nhiệm. Điều này nói lên rằng: trong kỷ nguyên số, tri túc góp phần hình thành văn hóa, đạo đức tiêu dùng; văn hóa, đạo đức kinh doanh; văn hóa, đạo đức, sinh thái, nơi con người sống hài hòa với tự nhiên, tôn trọng các giới hạn của hệ sinh thái.

Từ đó tối ưu hóa quy trình sản xuất, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, tuân thủ tiêu chuẩn Governance (G) trong ESG. Như vậy, duyên khởi và tri túc không chỉ là giá trị văn hóa, chuẩn mực đạo đức mà còn là cơ sở, động lực và mục đích của phát triển kinh tế xanh.

- Thứ hai, giá trị sinh thái trong tư tưởng Phật giáo đối với phát triển xã hội xanh. Bên cạnh khía cạnh kinh tế, chuyển đổi xanh còn đòi hỏi sự hình thành một nền tảng xã hội bền vững dựa trên lối sống thân thiện với môi trường và tinh thần trách nhiệm cộng đồng.

Trong tiến trình này, các giá trị đạo đức và văn hóa đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng hành vi xã hội và xây dựng chuẩn mực sống xanh. Tư tưởng Phật giáo, với các quan niệm như từ bi và chính niệm chứa đựng nhiều gợi mở cho việc hình thành các giá trị xã hội phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững. Từ bi cùng với tri túc khuyến khích sự quan tâm và trách nhiệm đối với con người cũng như đối với tự nhiên và môi trường. Từ đó, nó định hướng cho lối sống nhân ái, giản dị, hài hòa với tự nhiên và xã hội.

Chính niệm là sự tỉnh thức trong từng suy nghĩ, lời nói và hành động, giúp con người nhận diện rõ cá nhân và cộng đồng không thể tách rời nhau; bản thân con người là một bộ phận của tự nhiên, có quan hệ mật thiết với tự nhiên và môi trường. Đức Phật dạy: *"Vị ấy sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chính niệm, để điều phục tham ưu ở đời"* [3, kinh số 10 (MN 10)].

Quan niệm có giá trị sinh thái sâu sắc đối với sự hình thành nên văn hóa sống xanh, đạo đức xã hội xanh, lối sống nhân ái, thân thiện với môi trường; từ đó, góp phần tích cực xây dựng xã hội xanh phù hợp với tiêu chí S (Social) trong ESG. Xã hội xanh đòi hỏi mọi thành viên trong xã hội phải có trách nhiệm với cộng đồng, không ai bị bỏ lại phía sau, đồng thuận và tham gia tự nguyện vào chuyển đổi xanh; hoạt động sản xuất, tiêu dùng và quản trị đều dựa trên sự tỉnh thức và cân bằng với tự nhiên.

Chính niệm không chỉ là phương pháp tu tập cá nhân mà còn là nền tảng tinh thần cho phát triển xã hội xanh và bền vững. Ở Việt Nam hiện nay, việc phát huy những giá trị này có ý nghĩa quan trọng cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước.

- Thứ ba, giá trị sinh thái trong tư tưởng Phật giáo đối với phát triển môi trường xanh. Chuyển đổi xanh chẳng những diễn ra ở trụ cột kinh tế xanh, xã hội xanh mà còn ở môi trường xanh. Môi trường xanh, trụ cột thứ ba gắn liền trực tiếp với hệ sinh thái và cuộc sống an vui của chúng sinh. Quan niệm nhân quả trong Phật giáo nhấn mạnh rằng mọi hành động của con người đều tạo ra những hệ quả nhất định, bao gồm cả những hệ quả đối với môi trường xanh. Vì thế, con người phải sống có ý thức, có trách nhiệm và chủ động lựa chọn hành động của mình.

Những gì ta nghĩ, nói và làm hôm nay sẽ góp phần tạo nên cuộc sống của chính ta và môi trường trong hiện tại và tương lai. Nhân quả tương ứng nhau, nhân nào thì quả ấy. Đó là điều tất yếu. Nhận thức, nói và làm tốt sẽ mang lại kết quả tốt và ngược lại. Theo đó, mọi hoạt động của con người đối với môi trường đều tạo ra hệ quả tương ứng: khai thác quá mức, gây ô nhiễm sẽ dẫn đến suy thoái môi trường và những hệ lụy quay trở lại đời sống con người. Ngược lại, nếu con người hành xử có trách nhiệm, bảo tồn đa dạng sinh học và môi trường thì sẽ tạo ra môi trường sống bền vững.

Phật giáo dạy: *"Chúng sinh là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp; nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa"* [4, chương Nghiệp (AN 5.57)]. Quan niệm này hàm chứa giá trị sinh thái sâu sắc, có ý nghĩa định hướng đối với phát triển môi trường xanh. Nó chỉ ra rằng, việc khai thác tài nguyên quá mức hoặc gây ô nhiễm môi trường không chỉ ảnh hưởng đến môi

trường, mà còn tác động trở lại đối với sức khỏe, sinh kế, an ninh con người; từ đó thúc đẩy thực hành bảo vệ môi trường, lựa chọn công nghệ sạch, bảo tồn tài nguyên, ứng phó với biến đổi khí hậu và tuân thủ tiêu chuẩn Environmental (E) trong ESG, bao gồm quản lý chất thải, tiết kiệm năng lượng và phục hồi hệ sinh thái.

Do đó, việc vận dụng giá trị này trong bối cảnh hiện đại không chỉ giúp nâng cao nhận thức về trách nhiệm môi trường mà còn góp phần hình thành nền tảng đạo đức sinh thái cho phát triển bền vững. Đây chính là cơ sở quan trọng để thúc đẩy các hành động cụ thể nhằm bảo vệ môi trường, cân bằng hệ sinh thái và hướng tới mục tiêu chuyển đổi xanh.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh hoạ (sưu tầm)

2.3. Định hướng và giải pháp phát huy giá trị sinh thái trong tư tưởng Phật giáo, nhằm thúc đẩy chuyển đổi xanh ở Việt Nam hiện nay

- Thứ nhất, phát huy giá trị sinh thái trong tư tưởng Phật giáo đối với phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam hiện nay.

Trong những năm qua, tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam có nhiều chuyển biến tích cực, tốc độ tăng GDP bình quân giai đoạn 2021 -2025 đạt 6,2% năm. Tuy nhiên, chất lượng, hiệu quả chưa cao. Một trong những nguyên nhân của hạn chế đó là chuyển đổi xanh chưa thực sự trở thành cơ sở, động lực tăng trưởng mới; mô hình sản xuất – tiêu dùng vẫn còn dựa nhiều vào khai thác tài nguyên, phát sinh lãng phí và phát thải. Ý thức tiêu dùng bền vững của một bộ phận người dân và doanh nghiệp chưa cao, trong khi áp lực cạnh tranh trong chuỗi cung ứng toàn cầu ngày càng gắn với tiêu chuẩn ESG và phát triển bền vững.

Trong kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, Việt Nam tiếp tục *"đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực"* [5, tr.91]. Để cho chuyển đổi xanh thực sự trở thành cơ sở, động lực tăng trưởng mới thì cần phải phát huy các giá trị sinh thái trong quan niệm về duyên khởi và tri túc trong tư tưởng Phật giáo. Việc phát huy này, cần tiến hành một số định hướng và giải pháp sau:

Một là, theo nguyên lý duyên khởi, con người không tồn tại biệt lập mà luôn nằm trong mạng lưới quan hệ với tự nhiên và xã hội. Do đó, phát triển sản xuất chỉ bền vững khi nó tôn trọng các điều kiện sinh thái đã làm nên chính nó. Điều này đòi hỏi phải chuyển từ mô hình "*khai thác – sản xuất – thải bỏ*" sang mô hình tuần hoàn, tái tạo và cộng sinh với tự nhiên, trong đó tăng trưởng không còn dựa chủ yếu vào tài nguyên mà dựa vào tri thức, công nghệ và giá trị gia tăng.

Hai là, tinh thần tri túc không phải là phủ định xu hướng gia tăng nhu cầu tiêu dùng, mà là định chuẩn nhu cầu chính đáng và định hướng chất lượng của tiêu dùng trong nền kinh tế hiện đại. Từ đó, chống lãng phí, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên. Do đó, giá trị sinh thái trong quan niệm về tri túc cần được chuyển hóa thành nguyên tắc điều chỉnh hành vi kinh tế theo hướng phân định giữa nhu cầu hợp lý và tiêu dùng vượt ngưỡng, qua đó góp phần hình thành mô hình tăng trưởng mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng ngày càng gia tăng, tri túc không kìm hãm tăng trưởng mà tái cấu trúc động lực tăng trưởng, thúc đẩy sản xuất xanh, phát triển các sản phẩm thân thiện môi trường và định hình mô hình tiêu dùng có trách nhiệm. Nhờ đó, tăng trưởng kinh tế và cân bằng sinh thái đều được được đảm bảo.

- Thứ hai, phát huy giá trị sinh thái trong tư tưởng Phật giáo đối với phát triển xã hội xanh ở Việt Nam hiện nay. Trong những năm qua, cùng với tăng trưởng kinh tế, đời sống xã hội ở Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, quá trình phát triển cũng đặt ra không ít thách thức đối với phát triển xã hội xanh, thể hiện ở sự gia tăng bất bình đẳng xã hội, lối sống tiêu dùng vật chất, văn hoá chưa thực sự trở thành nguồn lực, sức mạnh nội sinh và động lực mạnh mẽ của sự phát triển. Điều đó cho thấy, phát triển xã hội xanh không chỉ là vấn đề kỹ thuật hay quản trị, mà trước hết là vấn đề về hệ giá trị văn hóa định hướng hành vi xã hội. Trong bối cảnh đó, từ bi và chính niệm góp phần hình thành nền tảng giá trị văn hóa cho xã hội xanh – một xã hội phát triển hài hòa, nhân văn, bao trùm và bền vững.

Xét về phương diện nội tại, từ bi là nguyên tắc đạo đức hướng đến sự sẻ chia và trách nhiệm; từ đó, góp phần điều chỉnh các quan hệ xã hội theo hướng giảm thiểu bất bình đẳng, tăng cường gắn kết cộng đồng. Còn chính niệm là sự tỉnh thức và tự chủ, để con người nhận diện và điều chỉnh hành vi, hạn chế xu hướng tiêu dùng cực đoan, đồng thời xây dựng lối sống có trách nhiệm với bản thân và xã hội. Sự kết hợp giữa từ bi và chính niệm tạo nên cơ chế điều chỉnh kép: vừa từ bên ngoài thông qua quan hệ xã hội, vừa từ bên trong thông qua ý thức cá nhân, qua đó định hướng phát triển xã hội xanh một cách bền vững. Để phát huy các giá trị này trong thực tiễn phát triển xã hội xanh ở Việt Nam hiện nay, cần triển khai một số định hướng và giải pháp sau:

Một là, lồng ghép các giá trị từ bi và chính niệm vào hệ thống giáo dục và truyền thông, đặc biệt thông qua các nền tảng số, nhằm hình thành ý thức xã hội có trách nhiệm, lối sống nhân văn và tinh thần chia sẻ trong cộng đồng; đồng thời phát huy vai trò của Phật giáo trong việc xây dựng các mô hình cộng đồng sống xanh, gắn với hoạt động thiện nguyện, bảo vệ môi trường và hỗ trợ xã hội.

Hai là, thúc đẩy các chính sách xã hội theo hướng bao trùm, bảo đảm công bằng, giảm bất bình đẳng, qua đó hiện thực hóa tinh thần từ bi và chính niệm trong quản trị xã hội; tiếp tục đẩy mạnh sự phát triển các nền tảng công nghệ phục vụ giáo dục chính niệm, chăm sóc sức khỏe tinh thần và nâng cao nhận thức cộng đồng về phát triển xã hội xanh là một trong ba trụ cột của phát triển bền vững; khuyến khích sự tham gia của cá nhân và cộng đồng trong việc thực hành lối sống xanh, tiêu dùng có trách nhiệm; xây dựng tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết, nghĩa tình, trọng đạo lý. Như vậy, việc phát huy các giá trị sinh thái trong quan niệm từ bi và chính niệm không chỉ góp phần giải quyết các vấn đề xã hội hiện nay, mà còn kiến tạo nền tảng giá trị cho sự phát triển xã hội xanh trong kỷ nguyên số, qua đó khẳng định ý nghĩa lý luận và thực tiễn của tư tưởng Phật giáo trong tiến trình phát triển nhanh và bền vững ở Việt Nam.

- Thứ ba, phát huy giá trị sinh thái trong tư tưởng Phật giáo đối với phát triển môi trường xanh ở Việt Nam hiện nay. Trong những năm qua, cùng với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, công tác bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu ở Việt Nam đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy nhiều thách thức nghiêm trọng đối với việc phát triển môi trường xanh. *“Ô nhiễm môi trường chưa được kiểm soát hiệu quả, có mặt còn trầm trọng hơn, nhất là môi trường ở các đô thị lớn, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các làng nghề”* [5, tr.65]. Điều đó cho thấy, phát triển môi trường xanh không chỉ là vấn đề kỹ thuật hay quản lý,

mà còn là vấn đề về ý thức, trách nhiệm và hệ giá trị định hướng hành vi của con người.

Trước yêu cầu đó, quan niệm nhân quả trong Phật giáo trở thành một nguyên lý chi phối nhận thức và hành động của con người đối với môi trường; nó đặt nền tảng cho việc chỉ ra rằng: con người và môi trường là một chỉnh thể thống nhất, môi trường chẳng những thân thể vô cơ, nguồn sống của con người hiện tại, mà còn là điều kiện sống của con người trong tương lai; con người phải lấy việc bảo vệ môi trường nói chung, đặc biệt là phát triển môi trường xanh làm mục tiêu chiến lược xây dựng xã hội an vui và hạnh phúc; không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế; chủ động phục hồi môi trường và hệ sinh thái như tất yếu của phát triển nhanh và bền vững trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Do đó, cần phải phát huy các giá trị này trong thực tiễn phát triển môi trường xanh ở Việt Nam hiện nay. Những định hướng và giải pháp cụ thể là:

Một là, cần nâng cao nhận thức về trách nhiệm sinh thái trên cơ sở nguyên lý nhân quả, thông qua giáo dục, truyền thông và các nền tảng số, nhằm hình thành ý thức rằng mọi hành vi đối với môi trường đều để lại hệ quả lâu dài; từ đó, định hướng hành vi ứng xử hài hòa với tự nhiên, phát triển môi trường xanh theo quy luật vốn có của nó; xây dựng lối sống xanh, giảm thiểu rác thải.

Hai là, tăng cường bảo vệ môi trường, thể chế hóa nguyên tắc "*trách nhiệm – hệ quả*" trong quản lý môi trường, thông qua việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng cường giám sát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, đồng thời áp dụng các công cụ kinh tế như thuế môi trường, phí phát thải nhằm buộc các chủ thể phải chịu trách nhiệm đối với tác động của mình; gắn kết chặt chẽ chuyển đổi xanh với chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng và ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại trong giám sát và bảo vệ môi trường

Như vậy, việc phát huy các giá trị sinh thái trong quan niệm nhân quả vừa góp phần nâng cao ý thức và trách nhiệm của con người đối với môi trường, vừa tạo cơ sở để thiết lập cơ chế điều chỉnh hành vi theo hướng phát triển bền vững. Qua đó, tư tưởng Phật giáo tiếp tục khẳng định giá trị lý luận và thực tiễn trong việc định hướng phát triển môi trường xanh ở Việt Nam trong kỷ nguyên số.

3. Kết luận

Trong bối cảnh kỷ nguyên số với những biến đổi sâu sắc về công nghệ, kinh tế và đời sống xã hội, chuyển đổi xanh trở thành xu hướng tất yếu nhằm hướng tới phát triển nhanh và bền vững ở Việt Nam. Tuy nhiên, quá trình này không chỉ đòi hỏi các giải pháp về khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, mà còn cần được nâng đỡ bởi một nền tảng giá trị và chuẩn mực đạo đức

định hướng hành vi của con người trong mối quan hệ với tự nhiên và xã hội.

Trên cơ sở đó, bài viết đã làm rõ vai trò, ý nghĩa của các giá trị sinh thái trong tư tưởng Phật giáo thông qua các quan điểm như duyên khởi, tri túc, từ bi, chính niệm và nhân quả. Những giá trị này góp phần định hướng phát triển kinh tế xanh, xã hội xanh và môi trường xanh.

Việc phát huy các giá trị này không chỉ làm cho những giá trị đó thực sự trở thành nguồn lực nội sinh, động lực và điều kiện cho chuyển đổi xanh ở Việt Nam; mà còn, làm cho những giá trị đó thấm sâu, lan tỏa và kết nối ngày càng sâu rộng trong đời sống xã hội, đặc biệt là xã hội số.

Tài liệu tham khảo:

1.Thích Minh Châu (dịch), Kinh Tương Ưng Bộ, Tập II, Thiên Nhân Duyên, Đại tạng kinh Việt Nam, (1993), Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh.

2. Thích Minh Châu (dịch), Kinh Pháp Cú, trong Đại tạng kinh Việt Nam, (1993) Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh,

3. Thích Minh Châu (dịch), Kinh Niệm Xứ (Satipaṭṭhāna Sutta), Trung Bộ Kinh (Majjhima Nikāya), (2020), Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh

4.Thích Minh Châu (dịch), (2020), Tăng Chi Bộ Kinh, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam, (2026), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV tập I, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội

6. https://maisonoffice.vn/tin-tuc/kinh-te-xanh-la-gi/.

7.UNEP (2023), Global Environment Outlook.

8.Joanna Macy (2020), Buddhism and Ecology, Routledge.

9.World Bank (2022), Vietnam Country Climate and Development Report.